

Số: 271/QĐ-CTUB

Kim Động, ngày 22 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Theo hồ sơ đánh giá, biên bản họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật ngày 18 tháng 01 năm 2021 ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 17 xã, thị trấn (có Danh sách kèm theo) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020.

Điều 2. Giao phòng Văn hóa – Thông tin huyện chịu trách nhiệm đăng tải danh sách các xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020 lên Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Tư pháp huyện, các thành viên Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật, Chủ tịch UBND 17 xã, thị trấn có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp;
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TP.



Bùi Văn Phúc



DANH SÁCH
XÃ, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số 21/QĐ-CTUB ngày 22 tháng 01 năm 2021
của Chủ tịch UBND huyện Kim Động)

S T T	Tên xã	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Kết quả đánh giá sự hài lòng (%)
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Loại II							
1	Chính Nghĩa	95	15	29,55	21,5	10	18,4	98%
2	Hiệp Cường	92	14,5	28,5	22,5	9	17,5	99,5%
3	Ngọc Thanh	91	13,5	29,56	19	9,5	19	92,8%
4	TT Lương Bằng	90	15	29,3	23	7	15,47	93%
5	Phạm Ngũ Lão	90	14	28,5	21,5	6	20	100%
6	Vĩnh Xá	89	14	29	18	7	20	100%
7	Toàn Thắng	87	12,5	25,5	22	7	20	97%
8	Đức Hợp	86	13	28	20,25	9	15,8	91,5%
II	Loại III							
1	Đồng Thanh	91	15	27,87	21	8,5	19	100%
2	Vũ Xá	91	14	28,55	20	8,4	20	98,4%
3	Song Mai	90	14	29	19,5	7	20	100%
4	Nhân La	88	13,5	29,6	21	8,5	15,26	96,8%
5	Nghĩa Dân	86	15	28,4	21	6	15,28	88,7%
6	Phú Thịnh	86	13	27,1	21	8,5	16,5	92,5%
7	Hùng An	83	11	29	16,75	6,25	20	91%
8	Mai Động	78	12,5	28,94	17	7,8	20	97,5%
9	Thọ Vinh	78	11,38	24,3	19,95	6,08	16,5	86,2%